

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, Tp. Biên Hòa,
tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim là đơn vị được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Cơ khí luyện kim - đơn vị trực thuộc Công ty Thép miền Nam (nay là Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP) theo Quyết định số 694 ngày 24 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600869728 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 08 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch
Ông Vũ Văn Hiến	Phó Chủ tịch
Ông Hồ Văn Ích Em	Ủy viên
Ông Nguyễn Thái Thiện	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngô Long	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Hoàng Lê Ánh	Trưởng ban
Ông Ngô Thế Hiến	Thành viên
Ông Bùi Văn Tương	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, Tp. Biên Hòa,
tỉnh Đồng Nai.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Xuân Sơn
Tổng Giám đốc

Biên Hòa, ngày 08 tháng 07 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Quốc Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0285-2013-002-1

Trần Quang Mậu
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0668-2013-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		46.491.396.920	43.418.577.560
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.486.115.700	7.060.809.554
111	1. Tiền		4.486.115.700	7.060.809.554
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		19.607.799.264	18.732.036.732
131	1. Phải thu của khách hàng		18.192.867.763	18.405.244.232
132	2. Trả trước cho người bán		1.402.716.565	320.000.000
135	5. Các khoản phải thu khác		12.214.936	6.792.500
140	IV. Hàng tồn kho	4	21.516.041.091	17.073.405.737
141	1. Hàng tồn kho		21.516.041.091	17.073.405.737
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		881.440.865	552.325.537
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		319.671.493	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		512.769.372	366.475.902
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	179.549.635
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	5	49.000.000	6.300.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		14.319.665.855	15.122.769.570
220	II. Tài sản cố định		14.319.665.855	15.122.769.570
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	14.319.665.855	15.061.769.570
222	- Nguyên giá		72.827.195.221	72.357.699.503
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(58.507.529.366)	(57.295.929.933)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	61.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		60.811.062.775	58.541.347.130

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		23.044.111.922	19.642.741.947
310	I. Nợ ngắn hạn		23.044.111.922	19.642.741.947
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	7	8.333.515.000	7.098.902.000
312	2. Phải trả người bán		7.131.201.443	4.230.092.092
313	3. Người mua trả tiền trước		2.251.086.172	1.507.734.443
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8	223.787.223	141.539.336
315	5. Phải trả người lao động		4.234.197.966	6.082.019.968
316	6. Chi phí phải trả		16.200.000	92.870.999
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	9	674.451.705	422.704.196
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		179.672.413	66.878.913
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		37.766.950.853	38.898.605.183
410	I. Vốn chủ sở hữu	10	37.766.950.853	38.898.605.183
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		26.000.000.000	26.000.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		5.563.952.000	4.911.835.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.767.320.000	1.441.262.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.435.678.853	6.545.508.183
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		60.811.062.775	58.541.347.130


Đoàn Thị Thủy
Người lập

Đỗ Xuân Quang
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Sơn
Tổng Giám đốc

Biên Hòa, ngày 08 tháng 07 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11	71.531.290.450	58.983.289.761
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	12	440.280.408	23.499.700
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		71.091.010.042	58.959.790.061
11	4. Giá vốn hàng bán	13	58.746.279.108	50.227.646.401
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		12.344.730.934	8.732.143.660
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	14	74.536.746	67.422.659
22	7. Chi phí tài chính	15	193.919.499	158.663.768
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		129.483.344	117.127.590
24	8. Chi phí bán hàng		961.528.338	403.993.229
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		6.601.280.778	4.163.509.926
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.662.539.065	4.073.399.396
31	11. Thu nhập khác		2.701.200	429.400.300
32	12. Chi phí khác		52.785.486	44.550.600
40	13. Lợi nhuận khác		(50.084.286)	384.849.700
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.612.454.779	4.458.249.096
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		345.934.109	401.717.379
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>4.266.520.670</u>	<u>4.056.531.717</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16	1.641	1.560


Đoàn Thị Thủy
Người lập

Đỗ Xuân Quang
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Sơn
Tổng Giám đốc

Biên Hòa, ngày 08 tháng 07 năm 2014


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.612.454.779	4.458.249.096
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		1.351.599.433	1.135.636.219
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(19.387.500)	(35.902.721)
06	- Chi phí lãi vay		129.483.344	117.127.590
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		6.074.150.056	5.675.110.184
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(885.206.367)	(258.030.745)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(4.442.635.354)	(4.631.862.549)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.999.750.766	4.439.495.205
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(319.671.493)	(111.799.259)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(129.483.344)	(117.127.590)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(291.721.400)	(144.085.197)
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(865.381.500)	(368.690.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.139.801.364	4.483.010.049
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(548.495.718)	(1.436.252.930)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		19.387.500	35.902.721
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(529.108.218)	(1.400.350.209)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		13.860.927.100	9.854.604.058
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(12.626.314.100)	(5.953.781.293)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.420.000.000)	(2.860.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.185.387.000)	1.040.822.765
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(2.574.693.854)	4.123.482.605
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		7.060.809.554	2.157.502.615
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	4.486.115.700	6.280.985.220


Đoàn Thị Thùy
Người lập


Đỗ Xuân Quang
Kế toán trưởng


Nguyễn Xuân Sơn
Tổng Giám đốc

Biên Hòa, ngày 08 tháng 07 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim là đơn vị được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Cơ khí luyện kim - đơn vị trực thuộc Công ty Thép miền Nam (nay là Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP) theo Quyết định số 694 ngày 24 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600869728 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 08 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty là 26.000.000.000 đồng; tương đương 2.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Chế tạo các sản phẩm cơ khí. Chế tạo, lắp ráp hoàn chỉnh máy móc thiết bị, cụm thiết bị;
- Chế tạo các sản phẩm kết cấu và xây lắp công nghiệp;
- Luyện và đúc các sản phẩm bằng kim loại đen, kim loại màu;
- Bán buôn máy móc thiết bị, bán buôn vật tư các loại, nguyên vật liệu trong ngành cơ khí, luyện kim;
- Xử lý các phế liệu kim loại;
- Phân tích mẫu kim loại;
- Chế tạo, sửa chữa và bảo trì thiết bị cầu trục;
- Cho thuê kho, bãi.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

